

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/DS-ST
Ngày: 09-6-2021
V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự về vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án thụ lý số: 138/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ánh X, sinh năm 1999; cư trú tại: ấp N, xã N, thành phố T, tỉnh Long An.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng K, sinh năm 1984; cư trú tại: ấp B, xã N, thành phố T, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1958; cư trú tại: ấp B, xã N, thành phố T, tỉnh Long An.

(Chị X và anh K có mặt, bà G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 5 năm 2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Ánh X trình bày:

Do chỗ bà con quen biết nhau (chồng của cô chị X gọi mẹ của anh Nguyễn Đăng K là cô họ) nên chị có cho anh K mượn một chiếc xe Suzuki, biển số 62N1 377.18 để cầm cố nhưng vì xe do chị đứng tên nên anh K không thể đem cầm được. Sau đó, chị có đem cầm cố xe với giá 120.000.000 đồng và cho anh K mượn số tiền này. Khi mượn tiền, anh K có viết “giấy mượn tài sản”. Theo tờ “giấy mượn tài sản” đề ngày 10 tháng 11 năm 2020, trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày này, anh K sẽ trả hết số nợ trên cho chị X. Trong tờ “giấy mượn tài sản” có mẹ của anh K là bà Nguyễn Thị G ký tên bảo lãnh, có ông Trần Văn U là cha của chị ký tên làm chứng.

Hết thời hạn cam kết, chị đã nhiều lần yêu cầu anh K trả nợ nhưng anh K không thực hiện nghĩa vụ. Do đó, chị có làm đơn gửi chính quyền địa phương xem xét giải quyết. Tại biên bản hòa giải do Tổ Hòa giải ấp N, xã N, thành phố T lập ngày 06 tháng 02 năm 2021 thể hiện anh K thừa nhận có mượn chị số tiền 120.000.000 đồng, chị cũng đồng ý cho anh K đến ngày 12 tháng 4 năm 2021 sẽ trả hết nợ cho chị. Tuy nhiên, hết thời hạn này, anh K vẫn không giữ đúng lời hứa. Do đó, chị khởi kiện yêu cầu anh K trả hết số tiền nợ 120.000.000 đồng. Chị đồng ý cho anh K đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 trả hết số nợ, chị không yêu cầu mẹ của anh K là bà Nguyễn Thị G cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn anh Nguyễn Đăng K trình bày: Giữa anh và chị X không có quan hệ họ hàng gì cả. Do anh và cha của chị X là ông Trần Văn U có qua lại và anh có thiếu ông U một số tiền nhưng không có khả năng trả nợ. Khi đó, ông U nói chị X có một chiếc xe Suzuki và kêu anh mượn xe của chị X cầm cố rồi lấy tiền trả nợ cho ông U. Tuy anh có viết giấy mượn tài sản của chị X và có ký tên nhưng thực tế anh không có nhận số tiền này từ chị X. Buổi hòa giải ngày 06 tháng 02 năm 2021 tại Tổ Hòa giải ấp N, xã N, anh có thừa nhận thiếu tiền của chị X và có hẹn thời hạn trả nợ là do ông U kêu ông trình bày như vậy. Việc thiếu tiền giữa anh K và ông U không có giấy tờ gì cả. Còn việc thiếu tiền chị X thì có lập giấy mượn tài sản. Anh thừa nhận chữ viết, chữ ký tên trong giấy mượn tài sản ngày 10 tháng 11 năm 2020 là do chính anh viết và ký tên, có mẹ anh là bà Nguyễn Thị G ký và ghi tên chỗ người bảo lãnh, có ông Trần Văn U là cha ruột của chị X ký tên người làm chứng. Hiện nay, do tình hình dịch bệnh Covid-19 đang phức tạp nên anh không thể đi làm kiếm tiền trả nợ ngay cho chị X, mẹ của anh đang bị bệnh phải điều trị tốn kém; do đó, anh đề nghị chị X tạo điều kiện cho anh trả dần số nợ còn thiếu.

Tại bản tự khai ngày 31 tháng 5 năm 2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị G trình bày thể hiện: Bà G là mẹ ruột của anh K. Bà G không biết việc vay mượn tiền giữa anh K và chị X. Khi anh K kêu bà G ký tên vào tờ giấy mượn số tiền 120.000.000 đồng thì bà G ký tên. Bà G xác định chữ ký và viết tên trong tờ “Giấy mượn tài sản” ngày 10 tháng 11 năm 2020 chỗ người bảo lãnh là của bà G. Tuy nhiên, bà G không biết gì về số tiền này. Nay chị X khởi kiện, bà G đề nghị chị X xem xét cho anh K trả dần số nợ còn thiếu vì hoàn cảnh gia đình đang khó khăn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Ánh X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý cho bị đơn trả dần số nợ còn thiếu chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, bị đơn anh Nguyễn Đăng K vẫn giữ nguyên lời trình bày, đồng ý có nợ và đồng ý trả chị X số tiền 120.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh K đề nghị chị X cho anh K kéo dài thời hạn trả nợ vì anh không có khả năng trả hết số nợ trong một lần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Trần Thị Ánh X khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với anh Nguyễn Đăng K có địa chỉ cư trú tại xã N, thành phố T, tỉnh Long An về yêu cầu trả số nợ còn thiếu là 120.000.000 đồng. Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xem xét đơn khởi kiện, xét thấy vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, đương sự đã thừa nhận nghĩa vụ, tài liệu chứng cứ đầy đủ, các đương sự đều có địa chỉ cư trú rõ ràng và không có đương sự ở nước ngoài, đủ điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết vụ án theo Điều 316, 317 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị G đã được Tòa án thông báo hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng bà G vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 320 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà G.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ánh X thấy rằng:

[4] Các đương sự khai thống nhất vào ngày 10 tháng 11 năm 2020, anh Nguyễn Đăng K có ký tên mượn tài sản của chị Trần Thị Ánh X số tiền 120.000.000 đồng theo Tờ “Giấy mượn tài sản” do chính anh K viết và ký tên, có ông Trần Văn Út là cha ruột của chị X làm chứng và tại mục người bảo lãnh có bà Nguyễn Thị G là mẹ ruột của anh K ký và ghi rõ họ tên. Thời hạn vay là 02 tháng tính từ ngày 10 tháng 11 năm 2020 đến ngày 10 tháng 01 năm 2021. Việc vay mượn này không tính lãi suất. Như vậy, giữa anh K và chị X đã xác lập hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi suất theo quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015. Hết hạn trả nợ, chị X đã nhiều lần thông báo trước và yêu cầu anh K trả số nợ 120.000.000 đồng nhưng anh K không thực hiện nghĩa vụ, đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị X.

[5] Tại phiên tòa, anh K khai rằng anh chỉ có ký tên vào tờ “Giấy mượn tài sản” ngày 10 tháng 11 năm 2020 mà không có nhận số tiền 120.000.000 đồng. Tuy nhiên, do đã ký tên nên anh đồng ý trả nợ cho chị X. Lời trình bày này của anh K là không có căn cứ bởi vì tại Biên bản hòa giải 06 tháng 02 năm 2021 của Tổ Hòa giải ấp N, xã N, thành phố T và bản tự khai ngày 31 tháng 5 năm 2021, anh K xác định có nợ chị X số tiền 120.000.000 đồng nhưng hiện nay do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị chị X cho trả dần số nợ vay. Hơn nữa, theo đoạn ghi âm do chị X cung cấp thể hiện cuộc nói chuyện giữa anh K và chị X vào ngày 31 tháng 5 năm 2021 có nội dung anh K thừa nhận có vay của chị X số tiền 120.000.000 đồng và hẹn trong vòng từ một đến hai tháng sẽ bán đất để trả hết nợ cho chị X. Anh K xác nhận giọng nói trong đoạn ghi âm chính là giọng nói của anh và của chị X. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều này chứng tỏ anh K có vay của chị X số tiền 120.000.000 đồng. Sau khi nghe đoạn ghi âm, anh K xin chị X cho thời hạn chậm nhất ngày 31 tháng 12 năm 2021, anh sẽ trả hết số nợ cho chị X. Đề nghị trả dần nợ vay của anh K được chị X đồng ý. Việc thỏa thuận này của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được Tòa án ghi nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh K phải chịu 3.000.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều **35, 39, 147, 316, 317, 320 và 322** Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều: **280, 288, 299, 323, 470** Bộ luật Dân sự năm 2015;
Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Buộc anh Nguyễn Đăng K phải trả cho chị Trần Thị Ánh X số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng theo “Giấy mượn tài sản” ngày 10 tháng 11 năm 2020.

Chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, anh K phải trả hết số tiền trên cho chị X.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Đăng K phải chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Chị Trần Thị Ánh X không phải chịu án phí nên hoàn trả cho chị X số tiền tạm ứng án phí là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005379 ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 07 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp T;
- Chi cục THADS tp T;
- Các đương sự (03);
- Lưu: HS vụ án, án văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Toàn Vẹn